

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XYH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16/3/2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115321005	Nguyễn Ngọc Diệu	27/11/2003	Nữ	9,5	6,3	7,9	001	ng		
2	115321014	Trần Thiên Kim	25/08/2003	Nữ	9,0	6,5	7,8	002	tr		
3	115321027	Thạch Thị Thanh Nhi	24/09/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	003	th		
4	115321037	Lưu Thị Ánh Tuyết	04/01/2003	Nữ	9,0	5,5	7,3	004	lu		
5	115321039	Bùi An Xuân	03/01/2003	Nữ	7,5	6,0	6,8	005	bu		
6	115321043	Nguyễn Trâm Lộc	13/05/2003	Nam	10,0	5,5	7,8	006	ng		
7	115321046	Phạm Thị Thanh Trúc	28/02/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	007	ph		
8	115321047	Phạm Tuyết Nhi	11/04/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	008	ph		
9	115321050	Văn Khả Anh	22/10/2003	Nữ	9,0	4,8	6,9	009	va		
10	115321055	Lục Thanh Vân	11/05/2003	Nữ	9,5	4,5	7,0	010	lu		
11	115321057	Võ Đức Hòa	02/11/2003	Nam	8,3	7,3	7,8	011	vo		
12	115321059	Phạm Thái Ngọc Hân	11/12/2003	Nữ	8,0	6,8	7,4	012	ph		
13	115321062	Dư Mỹ Kim	31/03/2003	Nữ	8,3	6,5	7,4	013	du		
14	115321069	Trần Nguyễn Thành Đạt	05/12/2003	Nam	9,5	5,8	7,7	014	tr		
15	115321070	Lê Trần Hạ Vy	29/01/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	015	le		
16	115321072	Dương Thị Nhớ	07/11/2002	Nữ	9,8	7,0	8,4	016	du		
17	115321073	Nguyễn Hoa Phi Hùng	28/12/2003	Nam	10,0	7,5	8,8	017	ng		
18	115321076	Nguyễn Thị Trinh Nguyên	02/02/2003	Nữ	9,8	6,5	8,2	018	ng		
19	115321078	Triệu Kim Thùy	22/11/2003	Nữ	7,8	6,3	7,1	019	tri		
20	115321079	Lê Thúy Quỳnh	03/07/2003	Nữ	7,5	6,0	6,8	020	le		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

16/3
D71.105

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XYH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....16.....03.....2023

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115321080	Lý Thị Kim	Thoa	24/06/2003	Nữ	9,8	5,3	7,6	001	<u>Kim</u>	
2	115321081	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	10/09/2003	Nữ	9,5	5,5	7,5	002	<u>Hồng</u>	
3	115321086	Nguyễn Thị Minh	Anh	11/07/2003	Nữ	8,3	5,5	6,9	003	<u>Anh</u>	
4	115321087	Dương Gia	Hân	18/12/2003	Nữ	10,0	3,3	6,7	004	<u>Gia</u>	
5	115321088	Lê Thị Hồng	Có	26/04/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	005	<u>Hồng</u>	7,3 ⁸
6	115321091	Võ Minh	Châu	14/11/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	006	<u>Chau</u>	
7	115321092	Nguyễn Hoàng Huy	Bình	22/01/2003	Nam	9,5	5,5	7,5	007	<u>Huy</u>	
8	115321093	Nguyễn Như	Ý	24/09/2003	Nữ	8,3	5,0	6,7	008	<u>Như</u>	
9	115321094	Nguyễn Thị Thúy	Nga	27/08/2003	Nữ	8,3	4,0	6,2	009	<u>Nga</u>	
10	115321098	Đồng Thị Khánh	Quỳnh	30/06/2003	Nữ	8,3	5,5	6,9	010	<u>Khánh</u>	
11	115321100	Phạm Diễm	Như	11/01/2003	Nữ	9,5	7,8	8,7	011	<u>Diễm</u>	
12	115321101	Đồng Chí	Cường	04/03/2003	Nam	9,5	6,0	7,8	012	<u>Chí</u>	
13	115321103	Kiến Nguyễn Khánh	Đoan	04/12/2003	Nữ	9,0	5,3	7,2	013	<u>Khánh</u>	
14	115321105	Trần Thị Mỹ	Duy	04/11/2003	Nữ	7,8	4,5	6,2	014	<u>Mỹ</u>	
15	115321106	Trang Lê	Linh	23/08/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	015	<u>Trang</u>	
16	115321107	Từ Nguyễn Xuân	Trúc	19/08/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8	016	<u>Xuân</u>	
17	115321110	Lai Phạm Gia	Huy	10/03/2003	Nam	10,0	6,0	8,0	017	<u>Gia</u>	
18	115321111	Mã Ánh	Nhung	05/11/2003	Nữ	10,0	5,5	7,8	018	<u>Ánh</u>	
19	115321113	Hứa Thị Cẩm	Nhiên	08/02/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	019	<u>Cẩm</u>	
20	115321114	Quách Mỹ	Linh	01/01/2003	Nữ	8,3	4,5	6,4	020	<u>Mỹ</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XYH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/03/2023

Phòng thi: D71 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115321118	Tiêu Hoàng Lực	09/02/2003	Nam	10,0	5,5	7,8	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Thư Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21YHDP

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 03 / 2023Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321001	Trần Thái An	05/10/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	001	An		
2	118321002	Võ Vàng Anh	03/02/2003	Nam	7,8	2,5	5,2	002	Anh		
3	118321005	Đỗ Trương Thành Đạt	05/09/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	003	Đạt		
4	118321007	Phạm Minh Duẩn	19/05/1992	Nam	7,8	5,5	6,7	004	Minh		
5	118321008	Hồ Nguyễn Mai Hương	25/04/1996	Nữ	7,5	4,3	5,9	005	Hương		
6	118321011	Tiêu Duy Khánh	18/10/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	006	Khánh		
7	118321012	Trần Khánh Lộc	25/04/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	007	Lộc		
8	118321014	Hồ Thanh My	01/05/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	008	My		
9	118321016	Phạm Kim Ngân	02/01/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	009	Ngân		
10	118321020	Trần Huỳnh Như	01/11/2003	Nữ	7,8	4,8	6,3	010	Như		
11	118321024	Trần Thiên Phụng	22/06/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	011	Phụng		
12	118321027	Võ Văn Phước Tài	23/01/2003	Nam	7,8	3,3	5,6	012	Tài		
13	118321030	Nguyễn Lý Nhật Tiên	17/06/2003	Nữ	7,8	3,8	5,8	013	Tiên		
14	118321031	Nguyễn Quỳnh Trinh	21/10/1995	Nữ	7,8	—	—	—	Trinh		
15	118321034	Tổng Viết Hoài Ân	21/11/2003	Nam	6,0	4,3	5,2	015	Ân		
16	118321040	Nguyễn Trường Lữ	29/06/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	016	Lữ		
17	118321041	Huỳnh Thị Kiều Tiên	08/03/2003	Nữ	7,8	2,8	5,3	017	Tiên		
18	118321042	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/01/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	018	Trân		
19	118321043	Nguyễn Xuân Anh	17/10/2001	Nữ	7,3	2,5	4,9	019	Anh		
20	118321048	Phạm Bá Quốc	24/11/2003	Nam	7,8	2,5	5,2	020	Quốc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: XuânCán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LêChánh Thị Bồ Pha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21YHDP

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16/.....3...../2023

Phòng thi: ĐT1.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321060	Trần Thị Bích Thủy	30/10/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	001			
2	118321061	Nguyễn Thành Vũ	24/02/1994	Nam	7,5	3,5	5,5	002			
3	118321063	Lê Thanh Mai	03/12/2003	Nữ	7,8	5,8	6,8	003			
4	118321067	Nguyễn Hoàng Đạt	25/03/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	004			
5	118321068	Lưu Nghiệp Hào	16/01/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	005			
6	118321072	Trần Phúc Nhi	01/01/1992	Nam	8,0	4,0	6,0	006			
7	118321074	Nguyễn Lê Như Ý	02/08/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	007			
8	118321075	Phan Phúc Bình	24/11/2003	Nam	8,0	5,5	6,8	008			
9	118321077	Phạm Huỳnh Nương	14/04/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	009			
10	118321079	Nguyễn Hùng Duy	19/05/2002	Nam	7,8	3,5	5,7	010			
11	118321082	Hồ Phương Minh Phúc	02/06/2002	Nam	7,5	4,5	6,0	011			
12	118321094	Nguyễn Kiều Như Ngọc	30/03/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	012			
13	118321095	Phạm Văn Tỷ	24/02/2003	Nam	7,3	—	—	—	—		
14	118321101	Phạm Quốc Duy	24/04/1986	Nam	7,8	3,8	5,8	014			
15	118321102	Nguyễn Thị Yến Ngọc	27/07/2003	Nữ	7,8	4,0	5,9	015			
16	118321104	Trần Huỳnh Long	10/08/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	016			
17	118321108	Trịnh Thế Tín	25/08/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	017			
18	118321110	Đặng Huỳnh Huy Hoàng	15/07/1996	Nam	7,8	3,8	5,8	018			
19	118321111	Trần Nguyễn Tố Nhi	17/05/2003	Nữ	7,8	4,3	6,1	019			
20	118321114	Thạch Minh Khang	08/10/2003	Nam	10,0	4,8	7,4	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19Tổng số tờ: —Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh DuyênCán bộ coi thi 2: —Điểm QT: 30%; Điểm KT: 30%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Anh DuyênTrần Thị Anh DuyênCán bộ kiểm tra: Trần Thị Anh DuyênTrần Thị Anh Duyên

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21YHDP

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 3 / 2023

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321116	Hồ Trung Hiếu	22/10/2003	Nam	8,3	4,5	6,4	010	<u>[Signature]</u>		
2	118321117	Viêng Thị Hồng Thơ	15/05/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	011	<u>[Signature]</u>		
3	118321118	Phú Ngọc Nguyễn Chương	31/03/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	012	<u>[Signature]</u>		
4	118321143	Nguyễn Quốc Duy	25/05/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	013	<u>[Signature]</u>		
5	118321150	Nguyễn Ngọc Gấm	09/08/1993	Nữ	8,0	5,0	6,5	014	<u>[Signature]</u>		
6	118321165	Nguyễn Thanh Phú	28/06/2002	Nam	7,8	3,8	5,8	015	<u>[Signature]</u>		
7	118321171	Thái Thị Bé Thơ	04/02/2003	Nữ	7,8	4,3	6,1	016	<u>[Signature]</u>		
8	118321174	Nguyễn Thái Hồng Nhung	24/02/2003	Nữ	7,8	3,3	5,6	017	<u>[Signature]</u>		
9	118321175	Trương Thị Thuỳ Trang	22/03/2003	Nữ	7,8	3,5	5,7	018	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

1613
D71.103

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/3/2023

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111721002	Đỗ Trí	Đông	12/01/2003	Nam	7,8	4,3	6,1	001	Đỗ Trí	
2	111721005	Võ Nguyễn Gia	Huy	20/04/2003	Nam	7,8	2,8	5,3	002	Võ Nguyễn Gia	
3	111721006	Nguyễn Tuấn	Kha	30/01/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	003	Nguyễn Tuấn	
4	111721007	Trần Chí	Khang	16/08/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	004	Trần Chí	
5	111721009	Trần Tuấn	Kiệt	15/03/2003	Nam	7,3	3,3	5,3	005	Trần Tuấn	
6	111721010	Cao Văn	Mãi	05/09/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	006	Cao Văn	
7	111721011	Lâm Phương	Nam	06/04/2003	Nam	7,3	3,8	5,6	007	Lâm Phương	
8	111721012	Nguyễn Hoài	Ngoan	17/06/2003	Nam	6,8	4,0	5,4	008	Nguyễn Hoài	
9	111721013	Thạch Anh	Như	29/08/2003	Nam	7,3	3,8	5,6	009	Thạch Anh	
10	111721014	Thạch Rac	Sa	15/08/2000	Nam	7,3	5,8	6,6	010	Thạch Rac	
11	111721015	Thạch Ra	Si	12/12/2001	Nam	7,3	4,3	5,8	011	Thạch Ra	
12	111721016	Trần Triệu	Tân	30/10/2003	Nam	7,8	5,0	6,4	012	Trần Triệu	
13	111721017	Diệp Bích	Thanh	29/05/1999	Nữ	7,8	5,8	6,8	013	Diệp Bích	
14	111721022	Nguyễn Tấn	Vinh	16/09/2003	Nam	6,8	2,8	4,8	014	Nguyễn Tấn	
15	111721024	Mai Bảo	Yến	19/10/2003	Nữ	7,8	3,3	5,6	015	Mai Bảo	
16	111721026	Mã Minh	Tâm	07/11/2003	Nam	7,3	4,8	6,1	016	Mã Minh	
17	111721028	Sơn Khem Ma	Ra	09/11/2003	Nam	7,3	2,5	4,9	017	Sơn Khem Ma	
18	111721031	Lê Minh	Kha	03/05/2003	Nam	—	—	—	—	Lê Minh	
19	111721034	Trần Dương Tuấn	Anh	16/11/2003	Nam	7,3	3,5	5,4	019	Trần Dương Tuấn	
20	111721035	Mai Quang	Đại	23/07/2002	Nam	7,3	2,5	4,9	020	Mai Quang	CT

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16/03/2023

Phòng thi: D71 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111721036	Ngô Kim	Bảo	25/05/2003	Nam	7,8	1,8	4,8	003	<u>Ngô</u>		
2	111721052	Trịnh Hoàng	Minh	18/04/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	004	<u>Trịnh</u>		
3	111721053	Kim	Trọng	01/06/2003	Nam	7,8	2,8	5,3	005	<u>Kim</u>		
4	111721056	Nguyễn Trường	Kha	10/11/2003	Nam							CT
5	111721058	Trần Việt	Hào	06/07/2000	Nam	7,3	2,3	4,8	007	<u>Hào</u>		
6	111721059	Đặng Minh	Quang	05/03/2003	Nữ	7,8	2,5	5,2	008	<u>Đặng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Lân

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (152 -)/DA21XDGT
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16 / 3 / 2023
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116821003	Nguyễn Chí Khang	26/11/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	001			
2	116821004	Nguyễn Hoàng Luân	08/02/2003	Nam	7,0	3,8	5,4	002			
3	116821006	Trần Thị Thanh Thi	04/01/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	003			
4	116821007	Bùi Hoàng Quý	05/05/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	004			
5	116821011	Tô Như Ý	08/09/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	005			
6	116821012	Võ Nguyễn Thảo Vy	30/05/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	006			
7	116821013	Diệp Gia Huy	29/05/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	007			
8	116821014	Lê Trọng Nhân	07/11/2003	Nam	7,5	5,3	6,4	008			
9	116821021	Lê Tuấn Dũng	29/08/2003	Nam	7,0	4,8	5,9	009			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (152 -)/DA20LHS
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16/03/2023
Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114120010	Lôi Viễn Quang	Huy	Nam	8,0	3,8	5,9	001	<u>Huy</u>		
2	114120061	Huỳnh Thị	Thảo	Nữ	8,0	3,0	5,5	002	<u>Thảo</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Đỗ Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành